TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2022/QĐST-DS	*Trà Vinh, ngày 16 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Kim Thị C, sinh năm 1951; Địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Kim Thị C: Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1980 Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1. Bà Kim Thị D, sinh năm 1957.

2. Ông Thạch C1, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Thạch C1: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2022.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Kim Thị D, ông Thạch C1: Bà Lục Khả T, sinh năm 1981 Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Kim Thị M, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Kim Thị Mười M1, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp G, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Kim Thị M và bà Kim Thị Mười M1: Ông Phạm Minh L, sinh năm 1993 Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Kim Thị C2, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Kim Lan E, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà Kim Thị Lan A, sinh năm 1964.

6. Ông Kim L, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Kim L: Bà Kim Thị Lan A, sinh năm 1964 theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2022.

7. Bà Kim Thị C3, sinh năm 1967.

8. Ông Kim Thanh L1, sinh năm 1980.

9. Ông Kim Thanh H1, sinh năm 1985.

10. Bà Trần Thị P1, sinh năm 1988.

11. Bà Kiều Thị Trúc L2, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Kim Thanh L1, ông Kim Thanh H1, bà Trần Thị P1, bà Kiều Thị Trúc L2: Bà Kim Thị C, sinh năm 1951; Địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2022.

12. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1992.

13. Ông Kim Tấn K, sinh năm 1987.

14. Ông Trần Hoàng V, sinh năm 1982.

15. Chị Trần Thị Gia H2, sinh năm 2006.

16. Ông Thạch H3, sinh năm 1990.

17. Bà Thạch Thị P2, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch H3, bà Thạch Thị P2: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/ 2022.

18. Ông Kim L3, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Magevaenget 8, 5550 Langgeskov, Đan Mạch.

Người đại diện hợp pháp của ông Kim L3: Bà Kim Thị C, sinh năm 1951; Địa chỉ: ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2022.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Kim Thị C, bà Kim Thị D, bà Kim Thị C2, bà Kim Thị Lan A, bà Kim Thị C3, bà Kim Lan E, bà Kim Thị M, bà Kim Thị Mười M1, ông Kim L, ông Kim Là, bà Thạch Thị H, ông Kim Tấn K thống nhất như sau:

- Công nhận phần D diện tích 507,6m^2, thuộc thửa số 1794, loại đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh

làm đường đi chung và tài sản gắn liền với đất cho bà Kim Thị C2, bà Kim Thị C, bà Kim Thị Lan A, bà Kim Thị D, ông Kim L, bà Kim Thị C3, bà Kim Lan E, bà Kim Thị M, bà Kim Thị Mười M1.

- Công nhận phần H diện tích 1.116m^2; phần L diện tích 873,9m^2; thuộc thửa số 1794, loại đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất cho bà Kim Thị C2, bà Kim Thị C, bà Kim Thị Lan A, bà Kim Thị D, ông Kim L, bà Kim Thị C3, bà Kim Lan E, bà Kim Thị M, bà Kim Thị Mười M1 cùng quản lý, sử dụng chung làm phần đất mộ.

- Công nhận phần F diện tích 968,2m^2; phần O diện tích 374,1m^2; phần P diện tích 345,4m^2; phần E diện tích 745,3m^2; thuộc thửa số 1794, loại đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất cho bà Kim Thị C3 quản lý, sử dụng.

- Bà Kim Thị C3 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Kim Thị C2, bà Kim Thị C, bà Kim Thị Lan A, bà Kim Thị M, bà Kim Thị Mười M1 mỗi người bằng 50.687.500 đồng *(Năm mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng)*.

- Công nhận phần N diện tích 174,2m^2; phần I diện tích 159,7m^2; phần K diện tích 147,9m^2, thuộc thửa số 1794, loại đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất cho bà Kim Thị D được quyền quản lý, sử dụng.

- Công nhận phần A diện tích 241m^2, thuộc thửa số 195, loại đất ONT, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất cho bà Kim Thị D được quyền quản lý, sử dụng.

- Phần C diện tích 303,6m^2; phần G diện tích 164,6m^2; thuộc thửa số 1794, loại đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp D, xã X, huyện H, tỉnh Trà Vinh không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

(Theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 391/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 13/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh)

Thời gian và phương thức trả: Hai bên thỏa thuận do cơ quan thi hành án thi hành.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật (nếu có).

Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị C2, bà Kim Thị C, bà Kim Thị Lan A, bà Kim Thị D, ông Kim L, bà Kim Thị C3, bà Kim Lan E, bà Kim Thị M, bà Kim Thị Mười M1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là 12.775.728 đồng. Bà Kim Thị C, bà Kim Thị D, bà Kim Thị C2, bà Kim Thị Lan A, bà Kim Thị C3, bà Kim Thị M, bà Kim Thị Mười M1 mỗi người phải chịu 1.825.104 đồng. Bà Kim Thị C đã nộp tạm ứng số tiền 12.775.728 đồng trừ vào số tiền phải chịu 1.825.104 đồng nên bà Kim Thị C được nhận lại số tiền 10.950.624 đồng sau khi cơ quan thi hành án thu của bà Kim Thị D, bà Kim Thị C2, bà Kim Thị Lan A, bà Kim Thị C3, bà Kim Thị M, bà Kim Thị Mười M1 giao lại cho bà Kim Thị C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tống Văn Viên